

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số: 1504 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v quan tâm báo giá vật tư cho Sửa chữa
lớn Bơm tuần hoàn 1,2,3 và thiết bị phụ”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Chúng tôi hiện nay có nhu cầu Sửa chữa lớn Bơm tuần hoàn 1,2,3 và thiết bị phụ-Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Qua công văn này, chúng tôi kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá vật tư phục vụ công việc Sửa chữa lớn Bơm tuần hoàn 1,2,3 và thiết bị phụ với các thông số và yêu cầu kỹ thuật như phụ lục đính kèm.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP.Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Trong trường hợp cần làm rõ thông tin, xin liên hệ Mrs Hà (0901.519.789).

- Thời gian nhận báo giá: Trước 15h ngày 9 tháng 5 năm 2025

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH-ĐT-VT, ĐTTH.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hoan

PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Sửa chữa lớn Bơm tuần hoàn 1,2,3 và thiết bị phụ (Đính kèm công văn số 1502/NĐCP-KHĐTVT ngày 21/04/2025)

I. Tên hàng hóa, số lượng, quy cách:

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
1	Bạc chốt inox 304 D22xd17xL12	Bạc chốt inox 304 D22xd17xL12	Cái	210
2	Bạc chốt inox 304 D22xd17xL54	Bạc chốt inox 304 D22xd17xL54	Cái	210
3	Bạc chốt inox 304 D22xd17xL72	Bạc chốt inox 304 D22xd17xL72	Cái	210
4	Bạc chốt xích D47.5xd34xL70, vật liệu SUS304 (bản vẽ CWP.11.00)	Bạc chốt xích D47.5xd34xL70, vật liệu SUS304 (bản vẽ CWP.11.00)	Cái	60
5	Bạc lót lắp cho bát đỡ cánh bơm, Chi tiết số 25: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 25 (74LKXA-17-0023): tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bạc lót lắp cho bát đỡ cánh bơm, Chi tiết số 25: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 25 (74LKXA-17-0023): tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	3
6	Bạc lót lắp cho cánh bơm, Chi tiết số 24: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 24 (74LKXA-17-0022): tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bạc lót lắp cho cánh bơm, Chi tiết số 24: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 24 (74LKXA-17-0022): tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	3
7	Bạc lót số 1 (205x185x345): Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 42 (XB16-2006-185) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bạc lót số 1 (205x185x345): Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 42 (XB16-2006-185) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	3
8	Bạc lót số 2 (205x185x325): mã hiệu và vật liệu theo Chi tiết số 41 (XB16B-2006-185-1) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bạc lót số 2 (205x185x325): mã hiệu và vật liệu theo Chi tiết số 41 (XB16B-2006-185-1) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	9
9	Bạc lót số 3 (205x185x200): Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 43 (XB17-2006-185) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bạc lót số 3 (205x185x200): Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 43 (XB17-2006-185) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	3

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
10	Bộ ép tết chèn cổ trục số 1,d210 x D260 H100: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 38 (XB14-B6-205) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bộ ép tết chèn cổ trục số 1,d210 x D260 H100: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 38 (XB14-B6-205) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bộ	3
11	Bộ gioăng phốt thủy lực của van HD7XT41X-6ZN SN1800 Van Hydraulic Butterfly Valve DN1800	Bộ gioăng phốt thủy lực của van HD7XT41X-6ZN SN1800 Van Hydraulic Butterfly Valve DN1800	Bộ	3
12	Bơm ly tâm tự mồi TPS80-50-50; 0,4 MPa; chiều cao cột hút 3,2m; 2900 rpm; 60m3/h; VL: SUS304 (bao gồm cả động cơ 18,5Kw; 380V; 28,7A; 2900 rpm; cấp cách điện F)	Bơm ly tâm tự mồi TPS80-50-50; 0,4 MPa; chiều cao cột hút 3,2m; 2900 rpm; 60m3/h; VL: SUS304 (bao gồm cả động cơ 18,5Kw; 380V; 28,7A; 2900 rpm; cấp cách điện F)	Cụm	2
13	bu lông M16x80	bu lông M16x80	Bộ	48
14	Bu lông SUS304 M16x150	Bu lông SUS304 M16x150	Bộ	12
15	Bu lông SUS304 M16x50	Bu lông SUS304 M16x50	Bộ	36
16	Bu lông SUS304 M16x60	Bu lông SUS304 M16x60	Bộ	12
17	Bu lông SUS304 M36x180	Bu lông SUS304 M36x180	Bộ	264
18	Bulong 316L M16x125	Bulong 316L M16x125	Bộ	210
19	Bulong 316L, M8x30	Bulong 316L, M8x30	Bộ	4725
20	Bulong M12x70, vật liệu SUS304	Bulong M12x70, vật liệu SUS304	Bộ	84
21	Bulong M8x30, vật liệu SUS304	Bulong M8x30, vật liệu SUS304	Bộ	18
22	Cảm biến tiệm cận LJ12A3-4-Z/EX (loại 2 dây, 24VDC); điện áp hoạt động: 6-36VDC; khoảng cách phát hiện cảm biến: 4mm; ngõ ra: NO-NPN; độ dài dây dẫn: 2m; đường kính cảm biến: 12mm; kích thước: 12x12x58,5mm	Cảm biến tiệm cận LJ12A3-4-Z/EX (loại 2 dây, 24VDC); điện áp hoạt động: 6-36VDC; khoảng cách phát hiện cảm biến: 4mm; ngõ ra: NO-NPN; độ dài dây dẫn: 2m; đường kính cảm biến: 12mm; kích thước: 12x12x58,5mm	Cái	9
23	Cao su tấm FKM 04A dày 2mm (màu trắng)	Cao su tấm FKM 04A dày 2mm (màu trắng)	m2	30
24	Chốt xích D34xL94 SUS304	Chốt xích D34xL94 SUS304	Cái	210
25	Dầu Angla 100	Dầu Angla 100	Lít	54
26	Dầu AW HYDROIL 46	Dầu AW HYDROIL 46	Lít	360

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
27	Êcu M16 + đệm bằng + đệm vênh, vật liệu SUS304	Êcu M16 + đệm bằng + đệm vênh, vật liệu SUS304	Cái	54
28	Êcu M20 + đệm bằng + đệm vênh, vật liệu SUS304	Êcu M20 + đệm bằng + đệm vênh, vật liệu SUS304	Cái	288
29	Gioăng mặt bích PTFE (Teflon) loại F; kích thước: (1820x1920x8)mm	Gioăng mặt bích PTFE (Teflon) loại F; kích thước: (1820x1920x8)mm	Cái	6
30	Gioăng tròn cao su D10 làm kín mặt bích buồng bơm	Gioăng tròn cao su D10 làm kín mặt bích buồng bơm	m	30
31	Gối trục số 1 gồm thân gối + bạc lót: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 39, (XB15B-2005-1-205A) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Gối trục số 1 gồm thân gối + bạc lót: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 39, (XB15B-2005-1-205A) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	3
32	Gối trục số 2+3 gồm thân gối + bạc lót: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 40 (XB15B-2005-1-205B) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Gối trục số 2+3 gồm thân gối + bạc lót: Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 40 (XB15B-2005-1-205B) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	6
33	Gối trục số 4 gồm thân gối + bạc lót, Chi tiết số 9: Mã hiệu và vật liệu theo Chi tiết số 9 (74LKXA-17-0005) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Gối trục số 4 gồm thân gối + bạc lót, Chi tiết số 9: Mã hiệu và vật liệu theo Chi tiết số 9 (74LKXA-17-0005) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Cái	3
34	Gu đông M20x105, vật liệu SUS304 bắt cố định ống bảo vệ trục số 2,3.(Bao gồm êcu, vòng đệm)	Gu đông M20x105, vật liệu SUS304 bắt cố định ống bảo vệ trục số 2,3.(Bao gồm êcu, vòng đệm)	Cái	108
35	Gu đông M20x80 vật liệu SUS304 bắt ống bảo vệ trục số 3 và ống dẫn hướng bơm- (Bao gồm êcu, vòng đệm)	Gu đông M20x80 vật liệu SUS304 bắt ống bảo vệ trục số 3 và ống dẫn hướng bơm- (Bao gồm êcu, vòng đệm)	Cái	36
36	Gu đông M20x85, vật liệu SUS304 bắt ống bảo vệ trục số 1,2,3 vào mặt dưới vành định tâm số 1,2 – (Bao gồm êcu, vòng đệm)	Gu đông M20x85, vật liệu SUS304 bắt ống bảo vệ trục số 1,2,3 vào mặt dưới vành định tâm số 1,2 – (Bao gồm êcu, vòng đệm)	Cái	144
37	Gudông M16x70 , vật liệu SUS304	Gudông M16x70 , vật liệu SUS304	Cái	54

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
38	Hộp giảm tốc: Bao gồm: + Hộp giảm tốc cấp 1: Cycloid pin gear reducer (mã hiệu: BLY27-59, tỉ số truyền 59) + Hộp giảm tốc cấp 2: Worm-Wheel reducer: (mã hiệu SCW250-25, tỉ số truyền 25) Hãng sản xuất: Jiang Su Jin Xiang transmissions Co., Ltd-Trung Quốc	Hộp giảm tốc: Bao gồm: + Hộp giảm tốc cấp 1: Cycloid pin gear reducer (mã hiệu: BLY27-59, tỉ số truyền 59) + Hộp giảm tốc cấp 2: Worm-Wheel reducer: (mã hiệu SCW250-25, tỉ số truyền 25) Hãng sản xuất: Jiang Su Jin Xiang transmissions Co., Ltd-Trung Quốc	Cụm	2
39	Hộp lắp gối và cối chèn tết. Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 14 (74LKXA-17-0008) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Hộp lắp gối và cối chèn tết. Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 14 (74LKXA-17-0008) tại bản vẽ số 74LKXA-17-0000	Bộ	3
40	Khóa định vị khớp nối trục số 1 và 2 vòng 2 nửa ID: 125mm; OD:180mm; L:120mm (chi tiết số 35) Chi tiết tại bản vẽ số XB08-86-1.8-02	Khóa định vị khớp nối trục số 1 và 2 vòng 2 nửa ID: 125mm; OD:180mm; L:120mm (chi tiết số 35) Chi tiết tại bản vẽ số XB08-86-1.8-02	Cái	6
41	Khung chữ A inox304 KT: 285x285x390x30	Khung chữ A inox304 KT: 285x285x390x30	Cái	30
42	Khung dầm inox304, KT: 1900x480	Khung dầm inox304, KT: 1900x480	Cái	30
43	Lập là inox 304, KT 1900x35x1	Lập là inox 304, KT 1900x35x1	Cái	60
44	Lập là inox304, KT: 1900x65x1	Lập là inox304, KT: 1900x65x1	Cái	60
45	Lưới lọc rác inox304, KT: 1900x630x1	Lưới lọc rác inox304, KT: 1900x630x1	Cái	30
46	Má ốp cạnh inox304, KT: 160x530x1	Má ốp cạnh inox304, KT: 160x530x1	Cái	60
47	Má xích ngoài 600x80x8, vật liệu SUS304 (bản vẽ CWP.11.00)	Má xích ngoài 600x80x8, vật liệu SUS304 (bản vẽ CWP.11.00)	Cái	150
48	Má xích trong 600x80x8, vật liệu SUS304 (bản vẽ CWP.11.00)	Má xích trong 600x80x8, vật liệu SUS304 (bản vẽ CWP.11.00)	Cái	150
49	Màn hình hiển thị: Pro-face GP37W2-BG41-24V (24V,20W)	Màn hình hiển thị: Pro-face GP37W2-BG41-24V (24V,20W)	Cái	3

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
50	Ổng cánh dẫn hướng. Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 3 tại bản vẽ số 74LKXA-17- 0003	Ổng cánh dẫn hướng. Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 3 tại bản vẽ số 74LKXA-17- 0003	Cụm	3
51	Ổng nối trục số 1 và 2; số 2 và 3 D260xd180xL580mm (chi tiết số 34) Chi tiết tại bản vẽ số XB08-86-1.8-01	Ổng nối trục số 1 và 2; số 2 và 3 D260xd180xL580mm (chi tiết số 34) Chi tiết tại bản vẽ số XB08-86-1.8-01	Cái	6
52	Phốt 30x47x7, HMSA10 RG	Phốt 30x47x7, HMSA10 RG	Cái	6
53	Phốt 45x62x7	Phốt 45x62x7	Cái	2
54	Phốt 70x95x12 vật liệu VITON FKM, nhiệt độ làm việc: -25 độ C đến 200 độ C	Phốt 70x95x12 vật liệu VITON FKM, nhiệt độ làm việc: -25 độ C đến 200 độ C	Cái	2
55	Phốt 75x95x12 vật liệu VITON FKM, nhiệt độ làm việc: -25 độ C đến 200 độ C	Phốt 75x95x12 vật liệu VITON FKM, nhiệt độ làm việc: -25 độ C đến 200 độ C	Cái	2
56	Phốt chịu nhiệt 45x60x10 VL: VITON FKM	Phốt chịu nhiệt 45x60x10 VL: VITON FKM	Cái	6
57	Phốt đá ID35	Phốt đá ID35	Bộ	1
58	Sơn chống rỉ	Sơn chống rỉ	kg	3
59	Sơn chống rỉ RP1	Sơn chống rỉ RP1	kg	42
60	Sơn epoxy màu ghi	Sơn epoxy màu ghi	kg	42
61	Sơn lót	Sơn lót	kg	36
62	Sơn màu 2 nước RP3	Sơn màu 2 nước RP3	kg	33
63	Tết chì 25x25	Tết chì 25x25	Kg	15
64	Van 1 chiều đầu đẩy DN50; PN16; VL: inox	Van 1 chiều đầu đẩy DN50; PN16; VL: inox	Cái	3
65	Van cánh bướm 1800HD7xT43x6ZN-0; áp lực làm việc: 0.6MPa; Test pressure Shell: 0.9MPa; est pressure Seat: 0.9MPa ; Nhiệt độ làm việc ≤80°C; môi chất làm việc: Nước biển; (Body van)	Van cánh bướm 1800HD7xT43x6ZN-0; áp lực làm việc: 0.6MPa; Test pressure Shell: 0.9MPa; est pressure Seat: 0.9MPa ; Nhiệt độ làm việc ≤80°C; môi chất làm việc: Nước biển; (Body van)	Cụm	1

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
66	Van DN1800 (bao gồm thân van và bộ điều khiển): Ds943R-6ZN; DN1800. Áp lực làm việc: 0,6Mpa. Áp lực lớn nhất 0,9Mpa. Môi làm làm việc: Nước biển. Nhiệt độ làm việc <80oC. Chiều dài thân van: 490mm. Body: HT250Ni3 Disc: HT250Ni3. Shaft: Stainless Steel 316L. Body Sealing Ring: Stainless Steel 316L. Disc Sealing Ring: 1Cr18Ni9Ti. Packing of Shaft: Neoprene Kiểu van: Van bướm. Bộ điều khiển: 2SA3 của hãng YEPEF	Van DN1800 (bao gồm thân van và bộ điều khiển): Ds943R-6ZN; DN1800. Áp lực làm việc: 0,6Mpa. Áp lực lớn nhất 0,9Mpa. Môi làm làm việc: Nước biển. Nhiệt độ làm việc <80oC. Chiều dài thân van: 490mm. Body: HT250Ni3 Disc: HT250Ni3. Shaft: Stainless Steel 316L. Body Sealing Ring: Stainless Steel 316L. Disc Sealing Ring: 1Cr18Ni9Ti. Packing of Shaft: Neoprene Kiểu van: Van bướm. Bộ điều khiển: 2SA3 của hãng YEPEF	Cụm	2
67	Van tay gạt đầu đẩy DN50; PN16; VL: inox	Van tay gạt đầu đẩy DN50; PN16; VL: inox	Cái	3
68	Vành chặn khớp nối: (Chi tiết số 36). Vành chặn khớp nối chi tiết tại bản vẽ XB08-86-1.8-03	Vành chặn khớp nối: (Chi tiết số 36). Vành chặn khớp nối chi tiết tại bản vẽ XB08-86-1.8-03	Cái	6
69	Vành đỡ trục trục số 1 Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 19 74LKXA- 17-0016a	Vành đỡ trục trục số 1 Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 19 74LKXA-17-0016a	Cái	3
70	Vành đỡ trục trục số 2 Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 20 tại bản vẽ số 74LKXA-17- 0016b	Vành đỡ trục trục số 2 Mã hiệu và vật liệu theo chi tiết số 20 tại bản vẽ số 74LKXA-17- 0016b	Cái	3
71	Vòng bi 31315J2/Q	Vòng bi 31315J2/Q	Cái	2
72	Vòng bi 6209 2Z/C3	Vòng bi 6209 2Z/C3	Cái	3
73	Vòng bi 6209-2Z/C3	Vòng bi 6209-2Z/C3	Cái	2
74	Vòng bi 6213 2Z/C3	Vòng bi 6213 2Z/C3	Cái	1
75	Vòng bi 6218 C3	Vòng bi 6218 C3	Cái	1
76	Vòng bi 6306 2Z/C3	Vòng bi 6306 2Z/C3	Cái	3
77	Vòng bi 6309 2Z/C3	Vòng bi 6309 2Z/C3	Cái	3
78	Vòng bi 6312 2Z/C3	Vòng bi 6312 2Z/C3	Cái	2
79	Vòng bi 6406 C3	Vòng bi 6406 C3	Cái	1
80	Vòng bi N218M	Vòng bi N218M	Cái	1

STT	Tên công việc	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng
81	Vòng bi Nu1048M/P6	Vòng bi Nu1048M/P6	Cái	3
82	Vòng bi RN312 Đinh 113	Vòng bi RN312 Đinh 113	Cái	2

Ghi chú:

Nhà sản xuất bơm tuần hoàn: Chang Sha Co.,Ltd, China. Mã hiệu bơm 74LKXA-17
 Nhà sản xuất Cụm truyền động điện van: Yangzhou Electric Power Equipment
 Manufacture Factory Co., Ltd.

II. Một số nội dung liên quan của báo giá:

- Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá ghi rõ số lượng, quy cách, mã hiệu, hãng, nước sản xuất, giá trị tiền hàng, đồng tiền chào giá là tiền Việt Nam Đồng, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng.

- Thời hạn sử dụng hàng hóa dự kiến năm 2026.

